

PHỤ LỤC SỐ LIỆU KÈM THEO BÁO CÁO
(Kèm theo Báo cáo tại Công văn số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tỉnh/thành phố	Kế hoạch			Kết quả triển khai Sổ sức khỏe điện tử			Năng lực hệ thống y tế cơ sở				
		Đã ban hành	Chưa ban hành	Thời gian dự kiến ban hành	Tổng dân số	Số người đã có Sổ sức khỏe điện tử	Tỷ lệ (%)	Tổng số trạm Y tế cấp xã	Số lượng bác sĩ	Số trạm đủ bác sĩ theo quy định	Số trạm thiếu bác sĩ	Trạm có đủ trang thiết bị cơ bản
1	Tỉnh Quảng Ngãi	Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 30/6/2026			2.175.008	549.740 (đạt 26%)		95	273	95	0	95

Số liệu thực hiện theo lộ trình thực hiện

STT	Nhóm đối tượng	13/7/2026				
1	Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt	3.850				

	khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)					
2	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	53.628				
3	Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	8.750				
4	Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi	86..530				
5	Người thuộc hộ cận nghèo	0				
6	Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi	148.530				
7	Người có công, người mắc bệnh mạn tính	0				
8	Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ các đối tượng trên)					
9	Trẻ em trong cơ sở					

	giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông.					
10	Người lao động	215.065				
11	Các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý	Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP				
12	Các đối tượng không thuộc các nhóm trên	730.345 (Trong quá trình thực hiện, trên cơ sở điều kiện thực tiễn, quy định của Trung ương và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các đối tượng khác theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ)				

[Có thể điều chỉnh căn cứ theo Kế hoạch cụ thể của địa phương]